

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA KHU VỰC KINH TẾ TƯ NHÂN CẤP TỈNH TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

Bùi Kim Hiếu³⁷

Tóm tắt: *Quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa khu vực kinh tế tư nhân ở địa phương tác động trực tiếp đến sự phát triển của khu vực này. Trong những năm qua, công tác quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa khu vực kinh tế tư nhân đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân trở thành động lực phát triển kinh tế theo định hướng của Đảng hiện nay rất cần đổi mới hơn nữa công tác quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa khu vực kinh tế tư nhân ở cấp địa phương. Trong phạm vi bài viết tác giả trình bày sự cần thiết của quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa khu vực kinh tế tư nhân; kinh nghiệm quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa khu vực kinh tế tư nhân cấp tỉnh một số quốc gia trên thế giới và bài học cho Việt Nam.*

Từ khóa: *Quản lý nhà nước, kinh tế tư nhân*

Abstract: *State management of small and medium-sized enterprises in the local private sector has a direct impact on the development of this sector. In recent years, this has achieved remarkable results. However, with the requirement of strongly developing the private economy to become the driving force of economic development under the direction of the Party, it is necessary to further innovate the state management of small and medium-sized enterprises in the region. private sector at the local level. Within the scope of the article, the author presents the necessity of state management for small and medium-sized that enterprises in the private sector; experience it at the provincial level in some countries around the world and lessons for Vietnam.*

Keywords: *State management, private economy*

1. Khái niệm và sự cần thiết của quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa khu vực kinh tế tư nhân

1.1. Khái niệm quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa khu vực kinh tế tư nhân

Quản lý nhà nước đối với DNNVV khu vực kinh tế tư nhân là sự tác động có chủ đích, có tổ chức và bằng pháp quyền nhà nước lên các DNNVV khu vực kinh tế tư nhân và vì mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Quản lý nhà nước đối với DNNVV khu vực kinh tế tư nhân là sự tác động của cơ quan quyền lực nhà nước bằng các phương thức công quyền đối với quá trình hình thành, hoạt động và chấm dứt sự tồn tại của DNNVV khu vực kinh tế tư nhân. Quản lý nhà nước đối với DNNVV khu vực kinh tế tư nhân còn được hiểu là việc sử dụng quyền lực nhà nước để can thiệp và điều chỉnh hoạt động của DNNVV khu vực kinh tế tư nhân. Việc can thiệp và điều chỉnh của nhà nước được thực hiện bằng công cụ pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, bộ máy cơ quan quản lý nhà nước.

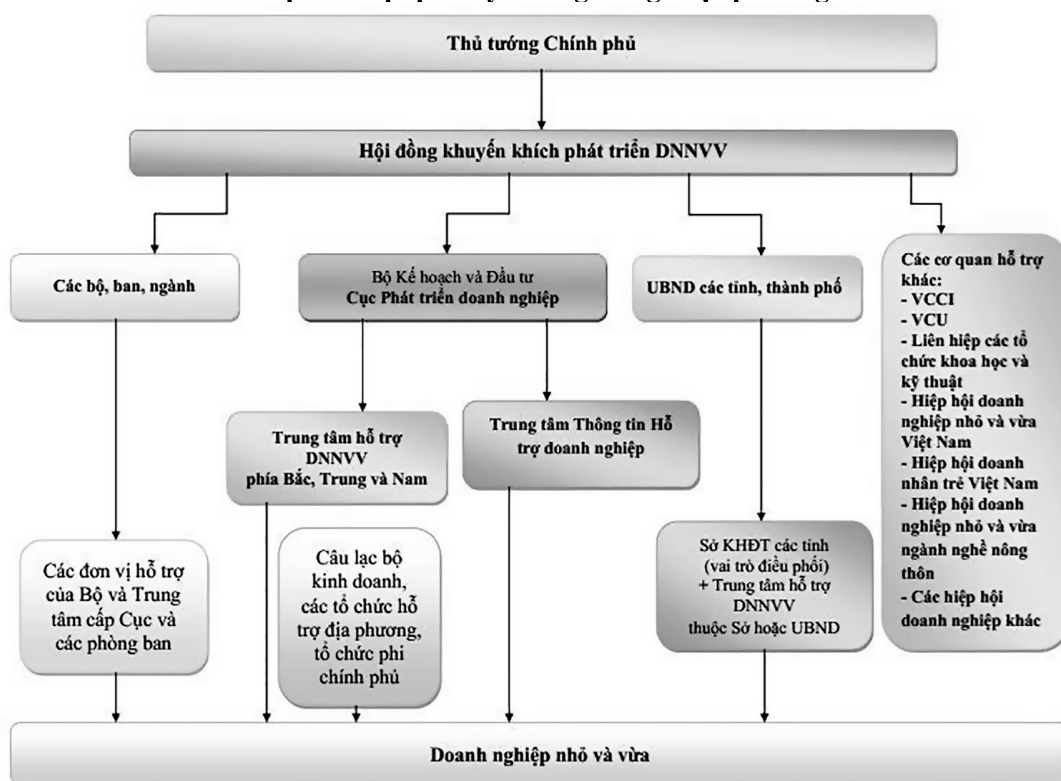
Trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, nhà nước sử dụng công cụ quản lý chủ yếu bằng kế hoạch, mệnh lệnh, các quyết định hành chính. Việc thành lập doanh nghiệp do nhà nước quyết định và phụ thuộc vào ý chí của nhà nước. Chỉ có hai loại hình doanh nghiệp được phép thành lập doanh nghiệp nhà nước và hợp tác xã, hoạt động của doanh nghiệp cũng được quản lý

³⁷ Tiến sĩ, Trường Khoa Luật, Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Tp.HCM

bằng các công cụ - đó là kế hoạch, quy hoạch, mệnh lệnh và các quyết định hành chính. Việc chấm dứt sự tồn tại của doanh nghiệp cũng phụ thuộc vào nhà nước, với hình thức duy nhất là giải thể. Chuyển sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các thực thể kinh tế tham gia vào các thị trường theo quy luật của thị trường. Các doanh nghiệp tự chủ quyết định sản xuất kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật, nhà nước quản lý nền kinh tế bằng pháp luật, nguyên tắc pháp quyền xã hội chủ nghĩa được đề cao.

Như vậy, *quản lý nhà nước đối với DNNVV khu vực kinh tế tư nhân là sự tác động có tổ chức và bằng quyền lực của nhà nước thông qua một hệ thống các chính sách kinh tế lên các DNNVV khu vực kinh tế tư nhân nhằm sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực phát triển kinh tế để đạt được các mục tiêu phát triển doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân đã đặt ra.*

Sơ đồ: Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa theo phân cấp quản lý Trung ương - địa phương



1.2. Sự cần thiết của quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa khu vực kinh tế tư nhân

Để DNNVV phát huy được tốt nhất, đóng góp ngày càng lớn cho nền kinh tế, tham gia giải quyết hiệu quả các vấn đề xã hội, thì vai trò của QLNN lại càng trở nên quan trọng nhất trong giai đoạn hướng tới kinh tế tư nhân như chủ trương hiện nay. Để hỗ trợ sự phát triển của các DNNVV, sự cần thiết phải có QLNN được thể hiện trên 3 góc độ cụ thể:

Một là, định hướng hoạt động của các DNNVV phù hợp với chiến lược phát triển KT-XH của đất nước, khuyến khích DNNVV chủ động xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh (SXKD), mở rộng và phát triển thị trường trong và ngoài nước, tích cực tham gia hội nhập kinh tế quốc tế. Tạo ra môi trường pháp lý để các DNNVV tận dụng các cơ hội, vượt qua các thách

thức do quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đem lại, đáp ứng đồng thời các nhiệm vụ SXKD phục vụ thị trường nhằm mục tiêu lợi nhuận, qua đó tạo công ăn việc làm cho xã hội và tăng thu nhập cho người lao động, tăng thu ngân sách, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển KT-XH của đất nước.

Hai là, thúc đẩy DNNVV nâng cao năng lực cạnh tranh để có thể tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường hội nhập và toàn cầu hoá. Đây là yêu cầu cấp bách đối với bất kì một doanh nghiệp thuộc quy mô, thành phần nào, nhất là đối với DNNVV ở Việt Nam hiện nay.

Ba là, thực hiện chủ trương của Nhà nước và Chính phủ là đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, phát triển, tạo ra nhiều cơ hội kinh doanh, động lực đầu tư cho DNNVV. Có các chính sách kích cầu, chính sách thương mại, chính sách thuế, chính sách kiểm soát giá và đảm bảo phân phối thu nhập công bằng phù hợp đối với DNNVV.

Hoạt động doanh nghiệp trong kinh tế thị trường chịu ảnh hưởng của các mối quan hệ giữa doanh nghiệp với nhà nước, thị trường, môi trường kinh doanh v.v... Nội dung của các quan hệ này, đặc biệt là vai trò của doanh nghiệp, của thị trường, của Nhà nước trong mối quan hệ sẽ hình thành cơ sở khách quan để xác định cơ chế vận hành doanh nghiệp trong kinh tế thị trường. Trong hình thái kinh tế - xã hội, trong cơ cấu tổ chức xã hội và trong cơ chế hiện hành, nhà nước là chủ sở hữu tài nguyên, tài sản công của nền kinh tế, do vậy tất yếu giữ vai trò chủ thể quản lý cao nhất của nền kinh tế quốc dân.

Doanh nghiệp là thực thể kinh tế, là tế bào nền kinh tế và do vậy, là bộ phận quan trọng cấu thành nền kinh tế quốc dân. Hoạt động của doanh nghiệp là nội dung chính, cốt yếu trong hoạt động của nền kinh tế, quyết định sự vận động, phát triển của ngành, của địa phương, của cả nền kinh tế quốc dân. Do vậy, hoạt động doanh nghiệp là đối tượng quản lý của Nhà nước, quan hệ giữa nhà nước với doanh nghiệp trong kinh tế thị trường là quan hệ chủ thể quản lý với đối tượng quản lý, dựa trên những cơ sở kinh tế - xã hội, pháp lý nhất định.

2. Kinh nghiệm quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa khu vực kinh tế tư nhân cấp tỉnh một số quốc gia trên thế giới

2.1. Kinh nghiệm của Thủ đô Seoul - Hàn Quốc

Vào đầu những năm 1980, Seoul đã thực hiện các chính sách khuyến khích DNNVV phát triển, qua đó DNNVV trở thành những doanh nghiệp vệ tinh cung cấp bán thành phẩm cho các tập đoàn lớn. Chính phủ đã ban hành Luật Xúc tiến doanh nghiệp hỗ trợ chỉ định một số ngành công nghiệp cũng như một số sản phẩm trong các ngành công nghiệp này là sản phẩm phụ trợ. Luật yêu cầu các doanh nghiệp lớn phải mua các sản phẩm đã chỉ định này từ bên ngoài chứ không được tự sản xuất. Chính phủ Hàn Quốc tập trung đầu tư cải thiện những mặt yếu kém của các DNNVV, nhằm tăng tính cạnh tranh thông qua việc khuyến khích các doanh nghiệp loại này đổi mới cơ cấu quản lý và vận hành. Hàn Quốc đề ra chính sách nhằm thực hiện chiến lược tăng cường hỗ trợ phù hợp với đặc tính của từng giai đoạn tăng trưởng như: Linh hoạt hóa khởi nghiệp, bằng các chính sách như tăng cường đào tạo nguồn nhân lực, cải thiện cơ chế quản lý, đơn giản hóa thủ tục rút ngắn thời gian thành lập, hỗ trợ vốn khởi nghiệp, mặt bằng và thuế (ưu tiên cho các doanh nghiệp mạo hiểm).

Chính phủ đã định hướng lĩnh vực ưu tiên phát triển là các ngành công nghiệp chế tạo, hình thành loại hình “thung lũng Silicon của Hàn Quốc” cho DNNVV, hỗ trợ 50% chi phí trang thiết bị và giảm thuế doanh thu, sử dụng tài sản, đất; nuôi dưỡng và thúc đẩy tăng trưởng, chính sách giúp các DNNVV có kinh phí hỗ trợ từ Nhà nước để nghiên cứu đổi mới công nghệ phù hợp với ngành và phạm vi hoạt động, đồng thời có thể tiếp nhận và ứng dụng nhanh những thành tựu của nghiên cứu mới vào hoạt động hiện hữu. Chính sách thương mại hóa sản phẩm

gắn liền với chủ trương thực hiện các hợp đồng mua sản phẩm của Chính phủ và các tập đoàn công nghiệp lớn, trong đó có phần hỗ trợ bảo lãnh tín dụng và thiết kế mẫu mã thích nghi với thị trường; tăng trưởng - toàn cầu hóa, là nhóm giải pháp nhằm ổn định nguồn nhân lực, củng cố điều kiện làm việc và xây dựng năng lực cạnh tranh toàn cầu. Để ổn định nguồn nhân lực cho DNNVV, gắn tương lai DNNVV với tương lai của các trường đại học và nền kinh tế, Chính phủ đã có chủ trương thay đổi nhận thức của giới lao động về hoạt động và hướng phát triển của DNNVV, bằng các giải pháp hữu hiệu như ưu tiên cho sinh viên các trường đại học thực tập tại DNNVV, bổ sung vào chương trình đào tạo các môn học về DNNVV; khuyến khích DNNVV tăng cường thu nhận chuyên gia nước ngoài.

Khả năng tiếp cận tín dụng của các doanh nghiệp nhỏ và vừa thường bị hạn chế do không có tài sản thế chấp, lịch sử tín dụng ngắn và thiếu chuyên môn cần thiết để đưa ra các báo cáo tài chính³⁸. Để khắc phục vấn đề này, Hàn Quốc đã thiết lập một hệ thống hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua hệ thống bảo lãnh tín dụng. Hệ thống bảo lãnh tín dụng Hàn Quốc được chia thành ba quỹ: Quỹ bảo lãnh tín dụng Hàn Quốc (KODIT), Quỹ bảo lãnh tín dụng công nghệ Hàn Quốc (KOTEC) và 16 quỹ bảo lãnh tín dụng địa phương. KODIT là một tổ chức tài chính công được thành lập ngày 01/06/1976 theo quy định của Đạo luật Quỹ bảo lãnh tín dụng Hàn Quốc. Mục tiêu của KODIT là dẫn dắt sự phát triển cân bằng của nền kinh tế quốc gia bằng cách mở rộng bảo lãnh tín dụng cho các khoản nợ của các doanh nghiệp nhỏ và vừa không có tài sản thế chấp hữu hình.

Năm 2014, chính phủ đã đưa ra một sáng kiến nhằm thúc đẩy các khoản vay dựa trên công nghệ để cung cấp nguồn tài chính lớn hơn cho các doanh nghiệp khởi nghiệp mà không cần thế chấp. Tuy nhiên, do đặc điểm của phát triển công nghệ có tỷ lệ rủi ro cao, nên phát triển tài chính ở lĩnh vực này không nhận được nhiều sự quan tâm từ phía các tổ chức cho vay tư nhân, mà phần lớn phụ thuộc vào các tổ chức tài chính công³⁹. Mặc dù vậy, các tổ chức tài chính công thường cấp tín dụng cho các doanh nghiệp có rủi ro tài chính thấp hơn là cho các doanh nghiệp vay để phát triển công nghệ tiên tiến với rủi ro cao.

Hướng đến mục tiêu giảm bớt gánh nặng tài chính cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, năm 1988, Chính phủ Hàn Quốc đã ban hành Đạo luật Hạn chế thuế đặc biệt, thực hiện các chính sách ưu đãi thuế đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư và nghiên cứu phát triển sản phẩm công nghệ mới. Đạo luật này đã được sửa đổi và bổ sung năm 2014, trong đó quy định rõ ràng về các chính sách miễn, giảm, hoàn thuế đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong mọi lĩnh vực. Theo đó, tùy theo điều kiện hoạt động kinh doanh, quy mô và loại hình kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa sẽ được khấu trừ thuế dao động từ 5% đến 30% với mức giới hạn trần 100 triệu won⁴⁰. Chính sách thuế và hỗ trợ tài chính, tín dụng trở thành công cụ đặc lực mà Chính phủ Hàn Quốc sử dụng để hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển. Chính sách này tập trung vào ba giai đoạn của vòng đời doanh nghiệp, đó là khởi nghiệp - nuôi dưỡng thúc đẩy tăng trưởng - tăng trưởng bền vững, toàn cầu hóa.

³⁸ Randall S. Jones, Jea Wan Lee (2018), “Enhancing Dynamism in SMEs and Entrepreneurship in Korea”, OECD, Working Papers No 1510,

[http://www.oecd.org/officialdocuments/publicdisplaydocumentpdf/?cote=ECO/WKP\(2018\)58&docLanguage=En](http://www.oecd.org/officialdocuments/publicdisplaydocumentpdf/?cote=ECO/WKP(2018)58&docLanguage=En).

³⁹ Doh, S., Kim, B., (2014), “Government support for SME innovations in the regional industries: The case of government financial support program in South Korea”, Res. Policy, <http://dx.doi.org/10.1016/j.respol.2014.05.001>.

⁴⁰ Joo-Yong Kim (2007), *SME Innovation Policies in Korea, The Policy Environment for the Development of SMEs*, pp. 129-149, Published by Pacific Economic Cooperation Council and the Chinese Taipei Pacific Economic Cooperation Committee.

Tại Seoul - Hàn Quốc, hệ thống hỗ trợ tài chính cho DNNVV bao gồm hệ thống bảo lãnh tín dụng trực thuộc Ngân hàng Trung ương, các cơ cấu tài chính khác thuộc chính phủ và chính sách thuế. Đây là những công cụ đặc lực mà chính phủ sử dụng để hỗ trợ DNNVV.

Về bảo lãnh tín dụng, hệ thống bảo lãnh tín dụng của Seoul - Hàn Quốc được luật hóa từ năm 1961 với mục tiêu là giảm nhẹ khó khăn tài chính cho các DNNVV. Cho đến nay, hệ thống hỗ trợ tài chính cho DNNVV được phân theo ba kênh chính gồm: Quỹ bảo lãnh tín dụng Seoul - Hàn Quốc, Quỹ bảo lãnh tín dụng công nghệ Seoul - Hàn Quốc và Quỹ bảo lãnh tín dụng địa phương. Quỹ bảo lãnh tín dụng Seoul - Hàn Quốc được Chính phủ thành lập từ năm 1976 với 50% vốn của Chính phủ, 30% vốn của Ngân hàng thương mại và 20% của các định chế tài chính, đến nay, phần vốn của Chính phủ chỉ chiếm 20%. Ngoài bảo lãnh tín dụng, quỹ này còn cung cấp các dịch vụ tư vấn, đào tạo về quản lý đối với nhân lực của các DNNVV được quỹ bảo lãnh. Năm 1989, Seoul - Hàn Quốc thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng công nghệ để triển khai thực hiện Luật Hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp công nghệ mới, chuyên cung cấp các dịch vụ bảo lãnh tín dụng đối với doanh nghiệp, đặc biệt ưu tiên cho các DNNVV có triển vọng tốt, ứng dụng công nghệ sạch nhưng không đủ tài sản đảm bảo.

Bên cạnh đó, thực hiện chính sách hoàn thuế đối với các DNNVV. Chính sách này được thực hiện từ năm 1980, trong đó tập trung vào những doanh nghiệp đầu tư và nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, bao gồm: hoàn lại 15% chi phí đầu tư cho nghiên cứu phát triển và đào tạo nguồn nhân lực; miễn thuế VAT, thuế trước bạ đối với nhà cửa và đất đai phục vụ các mục tiêu nghiên cứu phát triển. Ngoài ra, điểm đáng chú ý trong kinh nghiệm của Seoul - Hàn Quốc là giảm mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với DNNVV dao động từ 10-22% tùy theo mức thu nhập của doanh nghiệp.

2.2. Kinh nghiệm của Tokyo - Nhật Bản

Tại Tokyo - Nhật Bản, khu vực DNNVV có vai trò quan trọng được coi là lực lượng không thể thay thế ngay cả hiện tại và trong tương lai. Theo số liệu thống kê đến cuối năm 2012, DNNVV ở Tokyo chiếm đến 99% trong tổng số doanh nghiệp, thu hút 3,9 triệu lao động chiếm 80% lực lượng lao động làm việc cho các doanh nghiệp. Thu nhập của khu vực kinh tế này chiếm 99,1% tổng thu nhập bán buôn và 99,8% tổng thu nhập bán lẻ⁴¹.

Các đặc trưng của các DNNVV của Tokyo - Nhật Bản chú ý là các doanh nghiệp này hoạt động như là vệ tinh của các doanh nghiệp lớn, nhận thầu lại công việc của những doanh nghiệp lớn; Các doanh nghiệp được tổ chức theo các giai tầng doanh nghiệp mẹ (tập đoàn), doanh nghiệp con, trong đó các doanh nghiệp con có sự gắn bó mật thiết, lâu dài, có hợp đồng dài hạn, liên tục với doanh nghiệp mẹ; Các DNNVV ở Tokyo phần lớn thuộc các ngành nghề truyền thống, nhưng luôn luôn có sự kết hợp giữa những tính cách truyền thống dân tộc với kỹ thuật, công nghệ hiện đại.

Số lượng DNNVV thường biến động, nhưng xu hướng số lượng doanh nghiệp loại này ngày càng tăng. Trong từng thời kỳ phát triển của nền kinh tế đất nước, Tokyo đã ban hành nhiều chính sách phát triển khu vực DNNVV. Những thay đổi về chính sách nhằm đặt khu vực DNNVV vào vị trí phù hợp nhất và khẳng định tầm quan trọng của nó trong nền kinh tế (Ministry of Economics, 2014).

⁴¹ Khánh Linh, *Bí quyết phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ nhìn từ Nhật Bản*, truy cập ngày 15/7/2021, tại <http://namtramy.gov.vn/Default.aspx?tabid=1192&Group=28&NID=3042&bi-quet-phet-trien-doanh-nghiep-vua-va-nho-nhin-tu-nhat-ban>

Các chính sách hỗ trợ các DNNVV của Nhật được phân thành hai nhóm chính. Một là, hỗ trợ tăng cường năng lực kinh doanh của các DNNVV. Hai là, hỗ trợ cho việc thay đổi cơ cấu doanh nghiệp. Nội dung của chính sách hỗ trợ DNNVV của Tokyo - Nhật Bản được thể hiện ở một số mặt sau:

Về cải cách pháp lý, văn bản về DNNVV mới được ban hành năm 2009 hỗ trợ cho việc cải cách cơ cấu để tăng tính thích nghi của DNNVV với những thay đổi của môi trường kinh tế - xã hội; tạo tính thuận lợi cho việc tái cơ cấu doanh nghiệp. Các luật tạo thuận lợi cho thành lập doanh nghiệp mới và hỗ trợ DNNVV đổi mới trong kinh doanh, khuyến khích mạnh mẽ việc thành lập các doanh nghiệp mới, tăng nguồn cung ứng vốn rủi ro, trợ giúp về công nghệ và đổi mới. Hệ thống hỗ trợ cũng được thiết lập nhằm hạn chế sự phá sản của các DNNVV.

Về hỗ trợ về vốn vay, hỗ trợ có thể dưới dạng các khoản cho vay thông thường với lãi suất cơ bản hoặc các khoản vay đặc biệt với những ưu đãi theo các mục tiêu chính sách. Hệ thống hỗ trợ tăng cường cơ sở quản lý các DNNVV ở từng khu vực, các khoản vay được thực hiện tùy theo từng điều kiện của khu vực thông qua một quỹ được góp chung bởi chính quyền trung ương và các chính quyền địa phương và được ký quỹ ở một thể chế tài chính tư nhân. Kế hoạch cho vay nhằm cải tiến quản lý của các doanh nghiệp nhỏ được áp dụng với các doanh nghiệp không đòi hỏi phải có thế chấp hoặc bảo lãnh; hệ thống bảo lãnh tín dụng nhận bảo lãnh cho các DNNVV vay vốn tại các thể chế tài chính tư nhân. Còn Hiệp hội bảo lãnh tín dụng có chức năng mở rộng các khoản tín dụng bổ sung và bảo lãnh tín dụng cho các DNNVV. Hệ thống bảo lãnh đặc biệt, đã hoạt động từ năm 1998, có chức năng như một mạng lưới an toàn, nhằm giảm nhẹ những rối loạn về tín dụng và góp phần làm giảm các vụ phá sản của DNNVV.

Về củng cố và phát triển nguồn cung tài trợ: cho DNNVV bằng các biện pháp như sau: Chính phủ cho vay trực tiếp, chủ yếu là các khoản vay dài hạn không có lãi hoặc lãi suất rất thấp để nâng cao trình độ công nghệ, phương tiện hiện đại phục vụ sản xuất kinh doanh. Cho vay thông qua các cơ quan hỗ trợ của Chính phủ, các tổ chức tài chính công liên quan đến hỗ trợ phát triển DNNVV như Hội đồng tài chính DNNVV, Hội đồng tài chính nhân dân, Ngân hàng Trung ương của các hợp tác xã thương mại và công nghiệp.

Về củng cố và phát triển các tổ chức tài chính chuyên doanh của khu vực kinh tế tư nhân để phục vụ cấp vốn cho DNNVV: Kết hợp với các tổ chức tài chính công tổ chức tài chính chuyên doanh này tăng khả năng tiếp cận vốn cho DNNVV. Kết quả đã thành lập hơn 62 tổ chức tài chính phục vụ DNNVV và hơn 517 tổ chức tài chính chuyên trách phục vụ trong lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp.

Xét về hỗ trợ vốn, hệ thống tài chính tài trợ vốn của Nhật Bản, bao gồm các tổ chức tài chính quốc doanh phục vụ chính sách và các tổ chức tài chính bảo lãnh tín dụng.

Xét các tổ chức tài chính quốc doanh phục vụ chính sách, nghiên cứu kinh nghiệm của Tokyo - Nhật Bản cho thấy có 3 tổ chức tài chính quốc doanh được Nhà nước tài trợ và kiểm soát trực tiếp, chuyên phục vụ các DNNVV là Tập đoàn Tài chính Nhật Bản Phục vụ các DNNVV, Tập đoàn Tài chính Quốc gia và Ngân hàng Hợp tác Trung ương Công Thương Nhật Bản. Các khoản cho vay của 3 tổ chức tài chính này cho các DNNVV chiếm khoảng 10% tổng nguồn vốn đầu tư của Nhật Bản. Các tổ chức tài chính khác nhau sẽ có thứ tự ưu tiên tài trợ khác nhau.

Xét các tổ chức bảo lãnh tín dụng, ban đầu, các địa phương thành lập các hiệp hội bảo lãnh tín dụng bảo lãnh cho các khoản nợ của DNNVV với các tổ chức tài chính phi chính phủ. Các hiệp hội bảo lãnh tín dụng ủy thác cho các tổ chức tài chính hoặc các cơ quan xã hội xác minh thông tin về các doanh nghiệp xin cấp bảo lãnh, và trích từ 0.5%-1% giá trị các khoản cho vay để làm phí bảo lãnh. Trong vai trò là người cho vay cuối cùng, quỹ bảo hiểm đảm bảo sự vận hành ổn định của các hiệp hội bảo lãnh tín dụng.

Về các chính sách trợ cấp kinh tế: Để giúp các DNNVV thỏa mãn nhu cầu về vốn và phát huy những đóng góp quan trọng của các DN này cho nền kinh tế quốc gia và một số lĩnh vực xã hội, Tokyo - Nhật Bản đã cải thiện các chính sách trợ cấp kinh tế, chủ yếu bao gồm chính sách trợ cấp tài chính và chính sách cho vay ưu đãi. Với chính sách trợ cấp tài chính, chính phủ sẽ tài trợ trực tiếp cho đầu tư đổi mới công nghệ để khuyến khích các DNNVV áp dụng những công nghệ mới. Tokyo - Nhật Bản cấp vốn cho các DNNVV sáng tạo để phục vụ cho việc nghiên cứu và phát triển kỹ thuật. Với chính sách tín dụng ưu đãi, chính phủ cấp những khoản vay với lãi suất thấp (lãi suất thấp hơn so với lãi suất của các Ngân hàng thương mại) cho các DNNVV thông qua các ngân hàng phục vụ chính sách.

2.3. Kinh nghiệm của Thành phố Thượng Hải - Trung Quốc

DNNVV ở Thượng Hải, Trung Quốc có vai trò chiến lược đối với sự phát triển kinh tế của thành phố. Số lượng DNNVV chiếm trên 99% tổng số doanh nghiệp (tại Thượng Hải có hơn 1 triệu DNNVV). Hệ thống doanh nghiệp này đóng góp trên 60% GDP, trên 60% kim ngạch xuất khẩu và tạo việc làm cho hơn 80% lao động (OCBC Winghuang, 2015). Các chính sách phát triển DNNVV ở Thượng Hải, Trung Quốc được dựa trên cơ sở tôn trọng các yêu cầu khách quan và các quy luật kinh tế như: phải căn cứ vào quy mô kinh tế hợp lý để tổ chức sản xuất; các DNNVV cần được đầu tư với kỹ thuật và kỹ năng quản trị hiện đại, nâng cao chất lượng sản phẩm và chất lượng quản lý; các DNNVV cần linh hoạt để phù hợp với thị trường, tránh sự trùng lặp và tình trạng dư thừa và các doanh nghiệp lớn vẫn đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế, sự phát triển của các doanh nghiệp này sẽ kéo theo sự tăng trưởng của các DNNVV⁴².

Thứ nhất, về chính sách phát triển, qua nghiên cứu có thể đúc rút ra một số điểm như sau:

- Lĩnh vực trọng điểm của phát triển các DNNVV ở Trung Quốc là mở rộng việc làm và tập trung vào khu vực dịch vụ. Dịch vụ gắn với quần chúng và trực tiếp phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt, do vậy DNNVV có ưu thế hơn trong lĩnh vực dịch vụ. Đặc điểm của kinh doanh dịch vụ ở các địa phương không giống nhau. Hai lĩnh vực chính phát triển dịch vụ là buôn bán nhỏ và ăn uống rất tương ứng với sức tăng tiêu dùng. Bên cạnh đó, quy mô và không gian phát triển dịch vụ của các DNNVV rất lớn, ngoài ra còn những ngành khác như dịch vụ gia đình, bảo vệ môi trường, du lịch, in ấn, giải trí văn phòng. Theo số liệu thống kê của cơ quan chức năng Trung Quốc, riêng lĩnh vực phục vụ gia đình và phục vụ cộng đồng nếu có chính sách điều tiết tốt sẽ có thể tạo được 11 triệu công ăn việc làm.

- Thành lập cơ cấu quản lý chuyên môn các DNNVV. Thượng Hải, Trung Quốc đang xúc tiến thành lập Ủy ban kinh tế mật dịch TP trực tiếp thuộc Ủy ban DNNVV. Đây chính là đầu mối để giải quyết tốt mối quan hệ giữa chính quyền và doanh nghiệp, có trách nhiệm tư vấn, giúp đỡ bồi dưỡng lao động cho các DNNVV, nhưng không được can thiệp vào các hoạt động kinh doanh như đầu tư, kinh doanh sản xuất, tiêu thụ của các DNNVV.

Thứ hai, về chính sách hỗ trợ nguồn vốn cho phát triển các DNNVV, có thể thấy rằng đây là một trong những trọng tâm trong chính sách và chiến lược phát triển các DNNVV của TP Thượng Hải, được thực hiện thông qua những điểm chính như sau:

- Thành lập các quỹ hỗ trợ doanh nghiệp. Trước tình hình khó khăn trong tiếp cận nguồn vốn của các DNNVV, từ năm 2010 TP Thượng Hải đã thành lập một quỹ 1,98 tỷ Nhân dân tệ (NDT) từ ngân sách trung ương. Ngoài ra, TP còn thành lập một quỹ đặc biệt gọi là “quỹ xanh” trị giá 1,6 tỷ NDT dành riêng cho các DNNVV trong việc đổi mới công nghệ nhằm tiết kiệm năng lượng và cắt giảm khí thải các bon.

⁴² Phương Nga (2020), *Trung Quốc mở rộng hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ*, truy cập ngày 15/7/2021, tại <https://bnews.vn/trung-quoc-mo-rong-ho-tro-doanh-nghiep-nho/182125.html>.

- Chính sách hỗ trợ tín dụng, chính sách này được thực hiện trong bối cảnh doanh nghiệp khó tiếp cận nguồn vốn do lãi suất cao. Hỗ trợ tín dụng được thực hiện dưới các hình thức như: cung cấp bảo lãnh tín dụng, cho vay trực tiếp và hỗ trợ lãi suất. Từ năm 2010 đến nay, trong bối cảnh lạm phát tăng cao và tác động của chính sách thắt chặt tiền tệ, TP Thượng Hải đã ban hành văn bản về việc bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp xuất khẩu, trong đó quy định các DNNVV thuộc lĩnh vực này sẽ được tiếp cận các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại với lãi suất do ngân hàng trung ương quy định. Mới đây vào năm 2011, TP Thượng Hải đã thông qua một chương trình hỗ trợ lãi suất cho DNNVV với mức hỗ trợ khoảng 2%, qua đó giảm áp lực về chi phí vay vốn cho các DNNVV trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, TP còn thực hiện chính sách cho vay trực tiếp từ NSNN TP đối với các DNNVV gặp khó khăn trong bối cảnh thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt.

- Chính sách thuế, nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực xuất khẩu, từ tháng 11/2010 đến nay, TP Thượng Hải thực hiện hoàn thuế VAT cho các doanh nghiệp xuất khẩu.

- Phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp. Nhằm tháo gỡ khó khăn về vốn cho doanh nghiệp, TP Thượng Hải đã tiến hành đẩy mạnh một loạt các cải cách liên quan đến hoàn thiện và phát triển thị trường trái phiếu DN, cho phép các DNNVV tiếp cận vốn trên thị trường trái phiếu như cho phép DNNVV tiến hành liên kết với một ngân hàng hay một doanh nghiệp có hạng tín nhiệm cao đứng ra bảo lãnh phát hành trái phiếu hay còn gọi là trái phiếu liên kết (trái phiếu hợp nhất), chính sách này giúp các DNNVV thuận lợi trong tiếp cận được thị trường vốn.

3. Bài học rút ra cho Việt Nam về quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa khu vực kinh tế tư nhân cấp tỉnh

Tổng hợp bài học rút ra từ kinh nghiệm về cơ chế, chính sách quản lý đối với DNNVV từ trong lịch sử của nước ta và từ kinh nghiệm quốc tế. Ở Việt Nam có thể học hỏi một số kinh nghiệm phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước và đặc điểm của DNNVV tại VN, cụ thể như sau:

Thứ nhất, để nâng cao hiệu quả thực thi các chính sách hỗ trợ, Nhà nước cần chỉ đạo và điều phối các cơ quan chức năng xây dựng các chính sách hỗ trợ cũng như luật hóa các chính sách này phù hợp với từng thời kỳ và đặc điểm của nền kinh tế. Phát triển hệ thống các DNNVV là một mục tiêu trọng tâm của các nền kinh tế nhằm phát huy mọi nguồn lực cho phát triển. Với quan điểm đó, hệ thống DNNVV cần được phát triển ngày càng tăng và lớn mạnh. Tuy nhiên, đứng trước những biến động kinh tế, đương đầu với sự cạnh tranh khốc liệt. Chỉ bằng sự nỗ lực đơn lẻ của chính DN thì khó có thể thành công mà cần có sự hỗ trợ tích cực của nhà nước trong chính sách phát triển, qua đó khắc phục những hạn chế, tồn tại, tạo điều kiện thuận lợi, rõ ràng và minh bạch nhằm khuyến khích các DNNVV phát triển. Hy vọng rằng, những kinh nghiệm trong chính sách hỗ trợ phát triển sẽ được chúng ta tận dụng thành công, qua đó, giúp hệ thống các DNNVV có những bước phát triển bền vững.

Hoàn thiện thể chế, chính sách, hệ thống pháp luật về kinh doanh minh bạch, công bằng, lành mạnh nhằm mục đích tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh cho DN, tạo thuận lợi tối đa cho các DN khi tham gia vào thị trường trong nước và ngoài nước. Ban hành hệ thống chính sách đồng bộ, ổn định lâu dài đối với hoạt động của khu vực DNNVV. Phát triển đa dạng các thị trường tài chính và thị trường chứng khoán để hỗ trợ cho DN huy động vốn trên thị trường chứng khoán, vay vốn trên thị trường trái phiếu DN. Đồng thời, hỗ trợ DNNVV bằng cách giải đáp các vấn đề vướng mắc về luật pháp, đăng ký kinh doanh; cũng có thể mở thêm hoạt động tư vấn kinh doanh cho DN hoặc thành lập riêng một cơ quan chuyên trách giúp cho sự phát triển của DNNVV tại Việt Nam.

Hoàn thiện khung pháp lý và phạm vi hỗ trợ DNNVV phát triển trong nước, hội nhập quốc tế (xác định rõ khuôn khổ về gia nhập, hoạt động và giải thể, phá sản của DN Việt Nam); hỗ trợ công nghệ, khoa học kỹ thuật cho DN Việt Nam; phát triển nguồn nhân lực cho các DNNVV, tập trung vào nâng cao năng lực quản trị; đẩy mạnh hình thành nhóm DN Việt Nam; cung cấp thông tin hỗ trợ DNNVV và xúc tiến mở rộng thị trường; xây dựng hệ thống tổ chức trợ giúp phát triển; tổ chức thực hiện các chương trình liên quan đến sự phát triển DN Việt Nam.

Bên cạnh đó, tiếp tục thực hiện các cơ chế chính sách của Chính phủ trong việc cải cách các mức thuế quan, cắt giảm các thủ tục đăng ký DN cùng với các “chi phí không chính thức”. Các bộ, ngành cần giảm bớt các cuộc thanh, kiểm tra không cần thiết với DNNVV, nhất là phải quyết liệt trong công tác xóa bỏ tệ nạn tham nhũng, những nhiễu DN. Có cơ chế cắt giảm thuế thu nhập DN để hỗ trợ DNNVV giải quyết bài toán tạo việc làm cho xã hội, với quy định cụ thể về sử dụng phần ưu đãi thuế thu nhập DN đó để tái đầu tư, tạo công ăn việc làm mới. Hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho các DNNVV được tiếp cận các nguồn lực (đất đai, tài chính, lao động, khoa học công nghệ...). Xây dựng và phát triển hạ tầng thông tin dữ liệu về DN hoạt động cùng ngành hàng về thị trường vốn, thị trường lao động, thị trường khoa học công nghệ...

Thứ hai, đánh giá đúng mức vai trò quan trọng và vị trí của DNNVV trong phát triển kinh tế. Thực tế chỉ ra rằng, trong quá trình phát triển kinh tế, không chỉ có DN lớn mà phải quan tâm phát triển DNNVV bởi hệ thống DN này có vai trò hết sức quan trọng trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết công ăn việc làm.

Việc nắm bắt nhu cầu, tâm lý của khách hàng hoặc nhóm khách hàng phù hợp với loại hình, ngành nghề kinh doanh của mỗi DN cũng là một giải pháp mà các DNNVV có thể thực hiện được và tạo ra những kết quả khả quan. Bên cạnh đó, DN cần có chiến lược phát triển thông qua các kế hoạch, chiến lược, tầm nhìn, sứ mệnh hoạt động cụ thể. Một giải pháp cũng được áp dụng đối với DNNVV, đó là xây dựng tầm nhìn trong sự phát triển của DN mình bằng việc xác định rõ các vấn đề về kinh tế, khách hàng, sự cạnh tranh, định hướng tương lai, triển vọng của DN, tính chuyên môn hóa cao trong tiếp xúc với khách hàng, uy tín, thương hiệu và giá trị cốt lõi mà mỗi DN cung cấp cho thị trường, xã hội...

Thứ ba, thành lập nhiều tổ chức chuyên trách hỗ trợ các DNNVV trên nhiều lĩnh vực. Các tổ chức chuyên trách này hỗ trợ các DNNVV vượt qua các khó khăn về tài chính, công nghệ, nguồn nhân lực, thị trường, chất lượng sản phẩm... theo hướng khuyến khích DNNVV phát triển. Các chính sách khuyến khích, hỗ trợ được thực hiện nhất quán, linh hoạt, có hiệu quả và được thực hiện xuyên suốt quá trình phát triển của hệ thống doanh nghiệp này, từ khởi nghiệp, vượt qua khó khăn, tăng trưởng và toàn cầu hóa. Trong những chính sách đó, trợ giúp về tài chính được các quốc gia đặc biệt quan tâm. Các hỗ trợ tài chính giúp DNNVV thuận lợi hơn khi tiếp cận nguồn tài chính như: tín dụng ngân hàng, các nguồn vốn ưu đãi.... Trong hỗ trợ tài chính, kinh nghiệm của các nước là Nhà nước cần thành lập ngân hàng, các tổ chức tài chính, các định chế cho vay mà đối tượng phục vụ là các DNNVV để hỗ trợ nguồn vốn với hình thức hỗ trợ linh hoạt, thống nhất nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho loại hình DN này phát triển.

Thứ tư, các DNNVV dễ bị tổn thương trước các biến động kinh tế, do vậy để nâng cao khả năng thích ứng, các DNNVV cần liên kết với nhau và kết nối với hệ thống các DN khác trong nền kinh tế. Về hoạt động này, kinh nghiệm cho thấy rằng Nhà nước cần quan tâm, tạo điều kiện nhằm phát triển các mối quan hệ này thông qua các hình thức hiệp hội, nghiệp đoàn, các hình thức như thầu phụ, nhà cung cấp... Hoạt động này, một mặt tạo điều kiện cho các DNNVV tích lũy kinh nghiệm, nâng cao năng lực quản lý, quy trình công nghệ cũng như bảo lãnh giúp DNNVV tiếp cận với các nguồn lực phát triển. Nghĩa là phải phát huy vai trò của xã

hội, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp thúc đẩy sự phát triển của DNNVV, nâng cao ý thức của cộng đồng xã hội đối với sự phát triển của DNNVV tại Việt Nam. Theo đó, cần nâng cao vai trò, năng lực của các Hiệp hội nhằm hỗ trợ DNNVV và tăng cường chức năng tham vấn và phản biện xã hội. Mặt khác, tăng cường tiếp nhận các phản hồi, ý kiến, nhu cầu từ người tiêu dùng sử dụng sản phẩm của DNNVV để tự hoàn thiện DN trong hoạt động kinh doanh, cung cấp hàng hóa, dịch vụ đến khách hàng bằng các giải pháp như: nâng cao trách nhiệm xã hội, trách nhiệm kinh doanh của DN đối với người tiêu dùng; cân bằng lợi ích của thương nhân và người tiêu dùng.

Thứ năm, trong bối cảnh mở cửa và hội nhập quốc tế sâu rộng, Việt Nam đã ký kết hàng loạt các FTA thế hệ mới, để nâng cao năng lực cạnh tranh, DNNVV cần biết tận dụng tối đa những tiềm lực về vốn, nhân lực, thị trường, văn hóa, kinh nghiệm kinh doanh của các DN... Đây chính là sự tự thân vận động quan trọng của mỗi DNNVV trong kế hoạch thực hiện các chiến lược, mục tiêu kinh doanh của mình cùng với các đối thủ nặng ký trên thị trường. Hiểu về đối thủ và cân bằng hài hòa được các lợi ích với đối thủ trong kinh doanh sẽ tạo những cơ hội phát triển ổn định cho các DNNVV. Điều đó đồng nghĩa rằng, các DNNVV cần biết cách giữ mối quan hệ tốt đẹp với các DN lớn trong bối cảnh thị trường cạnh tranh khốc liệt. Đặc biệt, các DNNVV cần minh bạch hoạt động và báo cáo tài chính, nâng cao chất lượng quản trị DN, quản lý rủi ro.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ambastha and Momaya (2004). *Competitiveness of Firms: Review of Theory, Frameworks and Models*;tr29-31
- [2] Annette and Marilyn Mcdougall (1999). “*Training and development in small and medium enterprises*”; p23-39
- [3] Alan Coetzer (2006), “*Research on managers in small and medium enterprises*”; p56 - 58
- [4] Đinh Văn Ân (2004), “*Phát triển DNVVN: kinh nghiệm nước ngoài và phát triển DNVVN tại Việt Nam*”, Nxb Thống kê; tr91-93
- [5] Chang (2007), *Competitiveness and private sector development*; p98-99
- [6] Chính phủ (2016), *Nghị quyết số 35/NQ-CP, ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ doanh nghiệp*;
- [7] Diễn đàn kinh tế Việt nam VPF (2020), *Báo cáo thường niên năm 2020*;
- [8] Horne, M., Lloyd, P., Pay, J. & Roe, P., 1992. *Understanding the competitive process: a guide to effective intervention in the small firms sector*. European Journal of Operations Research, 56 (1), p54-66.
- [9] Ninh Thị Minh Tâm, Lê Ngự Bình (2017), *Hiệu quả kinh doanh của các Doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [10] TS. Ngô Văn Vũ (2020), *Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam trong bối cảnh thực hiện các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới*, đề tài Khoa học cấp Bộ.
- [11] TS. Ngô Văn Vũ và ThS. Đồng Thị Thùy Linh (2020), *Chính sách phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa của Hàn quốc và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*.
- [12] Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương (2018), *Đổi mới phương thức hỗ trợ tín dụng cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa: Kinh nghiệm quốc tế và một số kiến nghị cho Việt Nam*, Hà Nội